DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: 2901 ***/QĐ - VPCNCLQG ngày*** *06* ***tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/ of BoA Director)***

Tên phòng thí nghiệm:	**Bộ phận Kiểm phẩm**
Laboratory:	***Testing Department***
Tổ chức/ Cơ quan chủ quản:	**Công ty cổ phần Cao su Sơn La**
Organization:	***Son La Rubber Joint Stock Company***
Số hiệu/ *Code*:	**VILAS 1334**
Chuẩn mực công nhận/ *Accreditation criteria*	**ISO/IEC 17025:2017**
Lĩnh vực:	**Hóa, Cơ**
Field:	***Chemical, Mechanical***
Người quản lý/ *Laboratory manager:*	**Đỗ Thị Mai Lương**
Hiệu lực công nhận/ *Period of Validation:*	**Kể từ ngày** *06* **/ 10 /2026 đến ngày** *05* **/ 10 /2031**
Địa chỉ/ *Address*:	**Tổ 17, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La**
	Group 17, Chieng Sinh ward, Son La province
Địa điểm/ *Location*:	**Bản Thẳm, xã Thuận Châu, tỉnh Sơn La**
	Tham village, Thuan Chau commune, Son La province
Điện thoại/ *Tel*:	**0387121087**
E-mail:	**sonla.pkp1@gmail.com**
Website:	**sonlarubber.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1334

Lĩnh vực thử nghiệm: **Hóa, Cơ**

Field of testing: ***Chemical, Mechanical***

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
1.	**Cao su thiên nhiên SVR** ***Natural Rubber SVR***	Xác định hàm lượng tạp chất *Determination of dirt content*	(0,007 ~ 0,100) %	TCVN 6089:2016
2.		Xác định hàm lượng tro. Phương pháp A *Determination of ash. Method A*	(0,157 ~ 0,738) %	TCVN 6087:2010
3.		Xác định hàm lượng chất bay hơi. Phương pháp tủ sấy - Quy trình A *Determination of volatile matter content. Oven method - Process A*	(0,254 ~ 0,734) %	TCVN 6088-1:2014
4.		Xác định hàm lượng Nitơ. Phương pháp bán vi lượng *Determination of nitrogen content. Semi-micro method*	(0,25 ~ 0,37) %	TCVN 6091:2016
5.		Xác định độ dẻo. Phương pháp máy đo độ dẻo nhanh *Determination of plasticity. Rapid plastimeter method*	(23,6 ~ 44,7) %	TCVN 8493:2010
6.		Xác định chỉ số duy trì độ dẻo (PRI) *Determination of plasticity retention index (PRI)*	(44,6 ~ 74,7) %	TCVN 8494:2020

Ghi chú/ ***Notes:***

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/ *Vietnam National Standard.*

Trường hợp Công ty cổ phần Cao su Sơn La cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty cổ phần Cao su Sơn La phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Son La Rubber Joint Stock Company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service./.*